

TÁC ĐỘNG CỦA KHẢ NĂNG VƯỢT KHÓ ĐẾN HIỆU QUẢ HỌC TẬP, CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG, CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG ĐẠI HỌC CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Lê Thị Thu Diễm¹, Nguyễn Thị Thúy Loan², Phạm Thị Thu Hiền³, Cô Hồng Liên⁴

IMPACT OF HARDINESS ON LEARNING OUTCOME, QUALITY OF LIFE, QUALITY OF UNIVERSITY LIFE ON ECONOMIC SECTOR STUDENTS IN TRA VINH UNIVERSITY

Le Thi Thu Diem¹, Nguyen Thi Thuy Loan², Pham Thi Thu Hien³, Co Hong Lien⁴

Tóm tắt – Các trường đại học ở Việt Nam đã phải đối mặt với sự gia tăng nhu cầu về cải tiến chất lượng và hiệu quả đào tạo các chương trình đào tạo. Tuy nhiên, mức độ thành công của các chương trình, chất lượng và hiệu quả đào tạo được quyết định bởi khả năng vượt khó của sinh viên trong học tập và đánh giá của sinh viên trong giáo dục đại học. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm kiểm định mối quan hệ của khả năng chịu khó và hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên Trường Đại học Trà Vinh. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích cấu trúc tuyến tính (SEM) với mẫu khảo sát gồm 341 sinh viên khối ngành kinh tế tại Trường Đại học Trà Vinh. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng vượt khó có tác động dương đến hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng khả năng cam kết, khả năng kiểm soát, khả năng thách thức có ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng vượt khó, trong khi yếu tố giảng viên có tác động mạnh nhất đến chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên. Nghiên cứu này cũng đóng góp một số hàm ý nhằm cải thiện chất lượng giảng dạy và thúc đẩy sinh viên rèn luyện khả năng vượt khó,

thái độ học tập nghiêm túc.

Từ khóa: *khả năng vượt khó trong học tập, hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học, Trường Đại học Trà Vinh.*

Abstract – Vietnamese universities have seen an increase in demand for quality improvement of their programs and teaching performance. However, the degree to which high-quality programs and teaching performance is determined by students' hardiness in learning, and their assessment in university education. This study was employed to examine the relationships of hardiness and learning outcome, quality of life on students, and quality of university life on students in Tra Vinh University. The study uses Structural Equation Modeling (SEM) and the sample of 341 economic sector students in Tra Vinh University. The findings have indicated that hardiness in learning has a positive relationship with three elements including (i) learning outcome, (ii) quality of life on students, and (iii) quality of university life on students. Besides that, the results also indicated that three attitudes of commitment, control, and challenge have a direct effect on hardiness, while teacher elements have a powerful impact on the students' quality of university life. The study also contributes some implications for the improvement of teaching quality and the stimulation for students' behavioral intention of hardiness and attitudes.

^{1,2,3,4}Khoa Kinh tế, Luật, Trường Đại học Trà Vinh
Ngày nhận bài: 05/11/2018; Ngày nhận kết quả bình
đuyệt: 02/12/2018; Ngày chấp nhận đăng: 28/02/2019
Email: ltdiem@tvu.edu.vn

^{1,2,3,4}School of Economics and Law, Tra Vinh University
Received date: 05th November 2018 ; Revised date:
02nd December 2018; Accepted date: 28th February 2019

Keywords: *hardiness in learning, learning outcome, quality of life, quality of university life, Tra Vinh University.*

I. MỞ ĐẦU

Các nghiên cứu về giáo dục đại học đã phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Kobasa [1] nghiên cứu về áp lực cuộc sống, tính cách và sức khỏe tác động đến khả năng vượt khó. Furr et al. [2] nghiên cứu về hiện tượng tự tử và suy sụp tinh thần của sinh viên. Maddi [3] nghiên cứu về khả năng vượt khó theo cách tiếp cận lí thuyết và thực nghiệm. Young et al. [4] nghiên cứu tác động của các yếu tố như công nghệ, thói quen học tập, phương pháp giảng dạy và hành vi của sinh viên ảnh hưởng đến hiệu quả học tập. Cole et al. [5] nghiên cứu về động lực học tập và khả năng vượt khó của sinh viên. Sirgy et al. [6] nghiên cứu về thang đo chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên. Nguyen và cộng sự [7] nghiên cứu các yếu tố tác động đến hiệu quả học tập của sinh viên kinh tế tại Việt Nam. Và gần đây nhất, Nguyen và cộng sự [8] nghiên cứu mối quan hệ giữa khả năng vượt khó và chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta vẫn còn thiếu vắng các nghiên cứu kiểm định thang đo này trong bối cảnh từng vùng miền, hay từng trường đại học. Hơn thế, hầu hết các nghiên cứu này vẫn chưa thực sự kiểm định sâu tác động của khả năng vượt khó trong mối tương quan cùng lúc với nhiều khía cạnh khác nhau gồm cả hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống và chất lượng cuộc sống trong trường đại học qua áp dụng mô hình cấu trúc tuyến tính.

Trong bối cảnh hội nhập toàn cầu, yêu cầu chất lượng lao động không ngừng được nâng cao. Đó là lí do Trường Đại học Trà Vinh nói riêng và các trường đại học trên cả nước nói chung không ngừng cải tiến chất lượng đào tạo nhằm cung cấp cho thị trường lao động những sinh viên có kiến thức, kĩ năng đạt chất lượng để sinh viên ra trường có được việc làm và thành đạt. Những năm qua, Trường Đại học Trà Vinh đã có nhiều nỗ lực cải tiến chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Tuy nhiên, kết quả đầu ra của sinh viên hầu như chưa được cải thiện, đặc biệt là sinh viên đang theo học các khối ngành Kinh tế. Thật vậy, số lượng sinh viên nhập học khối ngành Kinh tế của Trường Đại học Trà Vinh những năm gần đây đều tăng đáng

kể. Tuy nhiên, số lượng sinh viên hoàn thành chương trình học và có việc làm ngay vẫn còn nhiều thách thức, tỉ lệ có việc làm ngay sau khi ra trường trung bình khoảng 90%. Rõ ràng, chất lượng đầu ra của sinh viên không chỉ do sự nỗ lực từ phía nhà trường mà còn do khả năng của sinh viên, đặc biệt là tinh thần học tập và lí trí của họ.

Xuất phát từ bối cảnh thực tiễn và nhu cầu lí thuyết, nghiên cứu “Tác động của khả năng vượt khó đến kết quả học tập, chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên khối ngành Kinh tế Trường Đại học Trà Vinh” được thực hiện. Nghiên cứu này thực hiện sẽ góp phần kiểm định thực nghiệm các thang đo cũng như đánh giá sâu tác động của khả năng vượt khó, hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên đang theo học các ngành trong khối ngành Kinh tế tại Trường Đại học Trà Vinh. Từ đó, chúng tôi đưa ra một số hàm ý quản trị trong việc điều chỉnh chương trình học, phương pháp dạy và học đối với giảng viên và sinh viên Trường Đại học Trà Vinh.

II. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

A. Các khái niệm nghiên cứu

Khả năng vượt khó của sinh viên

Khái niệm sự vượt khó xuất hiện từ năm 1979 và thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu. Kobasa [1] cho rằng khả năng vượt khó là một khái niệm lí thuyết gồm ba thành phần: khả năng cam kết, khả năng kiểm soát, khả năng đối mặt với các thách thức. Về mặt thực tiễn, sự vượt khó còn liên quan đến đối phó và phản ứng trước các tương tác xã hội, khả năng tự chăm sóc bản thân. Furr et al. [2] cho rằng nhiều hơn một nửa số sinh viên trong nghiên cứu của họ gặp thất bại trong học tập không chỉ do căng thẳng mà còn do áp lực phải thành công dẫn đến việc học hành càng khó đạt được kết quả tốt. Tổng hợp và kế thừa các nghiên cứu trước, nghiên cứu này gợi ý ba khía cạnh đo lường sự vượt khó của sinh viên gồm khả năng cam kết, khả năng kiểm soát và khả năng đối mặt với các thử thách.

- Khả năng cam kết là khả năng tập trung, quyết tâm và sẵn sàng dành thêm thời gian và nỗ lực để đạt được mục tiêu [3].

- Khả năng kiểm soát là khả năng kiểm soát được cảm xúc và hành động trước diễn biến phức

tập từ hoàn cảnh [3]. Vì vậy, sinh viên có khả năng kiểm soát sẽ có khả năng quản lý việc học tập và có trách nhiệm với sự thành công trong học tập.

- Khả năng đối mặt thách thức là khả năng sinh viên có thể chuyển hóa hoàn cảnh từ khó khăn đến có thể giải quyết được. Hay nói cách khác, sinh viên sẽ sẵn sàng vượt qua khó khăn để đạt được mục tiêu [3].

Ở góc độ cảm quan, Maddi [3] cho rằng một người có khả năng kiểm soát cao nhưng thiếu tính cam kết và khả năng đối mặt với các thách thức thường chỉ muốn đạt kết quả nhanh nhưng không muốn mất thời gian và nỗ lực rèn luyện, trong khi đó, người có tính cam kết cao nhưng khả năng kiểm soát và chịu được thử thách thấp sẽ có xu hướng ứng xử thụ động trong các tương tác xã hội, làm giảm sự tôn trọng và niềm tin của xã hội đối với họ. Tuy nhiên, người có khả năng chịu được thử thách nhưng khả năng kiểm soát và cam kết thấp thường không quan tâm nhiều đến người xung quanh.

Hiệu quả học tập của sinh viên

Trên phương diện lý thuyết, học tập được xem là quá trình thu nạp kiến thức qua quá trình tích lũy thông tin từ xã hội và cá nhân [9]. Trong quá trình đó, sinh viên không tránh khỏi các căng thẳng và áp lực có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý sinh viên, làm giảm hiệu quả học tập của sinh viên. Theo cách tiếp cận của McCloy et al. [10], hiệu quả học tập được xem là một khái niệm về ba thành phần gồm các kiến thức và chương trình tiên quyết để đạt được kết quả, kiến thức và kỹ năng theo chương trình và nỗ lực vượt khó để đạt được mục tiêu. Hiệu quả học tập bao gồm sáu thành phần gồm kiến thức, kỹ năng, nỗ lực đạt được, khả năng vận dụng kiến thức, mong muốn học nhiều hơn về lĩnh vực chuyên môn, hiểu biết về lĩnh vực chuyên môn [4]. Kết hợp định nghĩa lý thuyết trên hiệu quả học tập được định nghĩa là sự tự đánh giá của sinh viên về toàn bộ kiến thức đạt được, những kỹ năng và năng lực đã rèn luyện, và những nỗ lực theo đuổi chương trình học.

Hiệu quả học tập liên quan trực tiếp đến số giờ tham dự lớn, số bài giảng tham dự, khối lượng đọc, số lượng kì kiểm tra tham gia [11]. Nguyen và cộng sự [7] xây dựng thang đo hiệu quả học tập từ chương trình học tập gồm bốn thành phần: đạt được kiến thức, phát triển các kỹ năng, tiếp thu đủ kiến thức của chương trình, động lực học

tập cao. Nghiên cứu này được thực hiện theo cách tiếp cận của Nguyen và cộng sự [7].

Chất lượng cuộc sống sinh viên và chất lượng cuộc sống của sinh viên trong trường đại học (chất lượng cuộc sống đại học)

Chất lượng cuộc sống sinh viên và chất lượng cuộc sống đại học là khái niệm nhận được sự quan tâm của các nhà khoa học trong những năm qua [12], [6], [8]. Chất lượng cuộc sống có thể hiểu là mức độ hài lòng với cuộc sống [12] hoặc nó có thể chú trọng đến những khía cạnh cụ thể của cuộc sống. Chất lượng cuộc sống đại học là sự thỏa mãn với những trải nghiệm trong môi trường giáo dục trong suốt thời gian học tập và sinh sống tại trường đại học [6].

Nhiều nghiên cứu phát hiện ra những nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống đại học và chất lượng cuộc sống sinh viên trong các nghiên cứu tại các nước đã phát triển. Ví dụ, Vaez et al. [12] khảo sát mối quan hệ giữa tình trạng sức khỏe và chất lượng cuộc sống sinh viên đã phát hiện ra rằng chất lượng cuộc sống của sinh viên đại học thấp hơn chất lượng cuộc sống của những người đi làm. Bài nghiên cứu của Cha [13] cho thấy mối quan hệ tích cực giữa chất lượng cuộc sống sinh viên và những yếu tố cá nhân như sự lạc quan, lòng tự trọng... Chow [14] chỉ ra rằng tình trạng kinh tế - xã hội, kinh nghiệm học tập, điều kiện sống và những nhân tố khác có mối quan hệ tích cực với sự thành công của sinh viên. Tại các nước đang phát triển, nghiên cứu của Nguyen và cộng sự [8] cho thấy sự vượt khó của sinh viên tác động tích cực đến chất lượng cuộc sống đại học của họ.

Một cách tiếp cận khác, Vaez et al. [12] cho rằng chất lượng cuộc sống là một khái niệm được đo lường bằng sự hài lòng về cuộc sống, hoặc một số mặt cụ thể của cuộc sống. Trong khi Sirgy [6] định nghĩa thang đo chất lượng cuộc sống đại học là sự hài lòng của sinh viên về kinh nghiệm học tập của họ trong suốt thời gian học tập trong trường đại học. Trong nghiên cứu này, thang đo chất lượng cuộc sống sinh viên và chất lượng cuộc sống đại học được thực hiện theo cách tiếp cận của Nguyen và cộng sự [8], trong đó thang đo chất lượng cuộc sống đại học được nhóm từ bốn thang đo gồm khả năng của giảng viên, phương tiện trang thiết bị giảng dạy, các mối quan hệ tương tác của sinh viên trong thời gian học đại học và các hoạt động ngoại khóa.

B. Mối quan hệ giữa các khái niệm nghiên cứu

Cole et al. [5], Furr et al. [2] cho rằng sự vượt khó của sinh viên đóng vai trò quan trọng đối với hiệu quả học tập bởi vì những sinh viên có khả năng vượt khó cao trong học tập sẽ cố gắng tập trung thời gian và công sức vào học tập và sẵn sàng đối diện với khó khăn xảy ra trong cuộc sống trường đại học. Maddi [3] cho rằng khả năng vượt khó của sinh viên khi được rèn luyện qua các trải nghiệm cuộc sống sẽ khiến cho sinh viên đối phó tốt hơn với các tình huống khó khăn từ đó dễ dàng đạt được thành công hơn. Và khi vượt qua càng nhiều khó khăn, sinh viên càng tích lũy cho mình nhiều kĩ năng, kiến thức và kinh nghiệm; sinh viên có thể chuyển hóa các khó khăn thành những việc bình thường, có thể giải quyết được [15] hoặc biến những khó khăn thành cơ hội để phát triển. Từ đó, sinh viên duy trì và phát triển các động lực học tập.

Các nghiên cứu trên đều cho thấy sinh viên càng có khả năng vượt khó tốt sẽ càng có khả năng đạt được hiệu quả học tập và chất lượng cuộc sống tốt hơn. Từ đó, giả thuyết thể hiện mối quan hệ giữa khả năng vượt khó trong học tập và hiệu quả học tập của sinh viên cụ thể như sau:

H1: Khả năng vượt khó trong học tập của sinh viên có tác động dương đến hiệu quả học tập.

Các nghiên cứu trong giáo dục chỉ ra rằng học tập trong trường đại học là nơi giúp sinh viên rèn luyện phát triển kiến thức và kĩ năng chuyên ngành đã chọn nhưng cũng là một trong nhiều nguyên nhân dẫn đến căng thẳng của sinh viên [5], [2]. Trong suốt thời gian trong trường đại học, sinh viên không chỉ tập trung hoạt động học tập như đọc, làm bài tập, tham gia dự án, kiểm tra, mà họ còn bị chi phối bởi các vấn đề như tài chính, công việc bán thời gian và các hoạt động xã hội khác, đồng thời rèn luyện các kĩ năng cần thiết, từ đó giúp sinh nâng cao giá trị bản thân, trang bị đầy đủ các kiến thức và kĩ năng để nắm bắt được cơ hội việc làm trong tương lai. Những sinh viên có khả năng vượt khó cao sẽ có thể kiểm soát được căng thẳng trong quá trình học tập. Theo Maddi [3], khả năng này giúp họ biến sự căng thẳng trong học tập thành những niềm vui và thú vị trong quãng đời sinh viên, phát triển và duy trì động lực để làm những gì họ cần làm. Khi sinh viên có khả năng vượt qua áp lực có nghĩa là sinh viên đã nhận thức được vai trò của

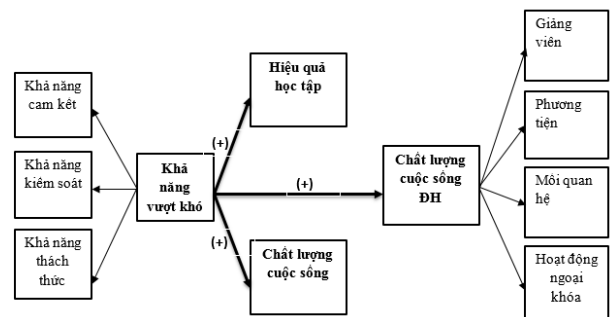
giảng viên và bạn học trong lớp, của các mối quan hệ xã hội và ý nghĩa của các hoạt động ngoại khóa dẫn đến sự hài lòng của sinh viên đối với việc học ở trường, nghĩa là chất lượng cuộc sống sinh viên và chất lượng cuộc sống đại học được nâng lên.

Các kết quả nghiên cứu của Cole et al. [5], Furr et al. [2] và Maddi [3] đều tìm thấy mối quan hệ đồng biến giữa sự vượt khó của sinh viên và chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học. Do đó, nghiên cứu này kì vọng rằng sinh viên càng có khả năng vượt khó sẽ đạt được thành tích cao trong học tập và chất lượng cuộc sống đại học sẽ cao hơn.

H2: Khả năng vượt khó trong học tập của sinh viên có tác động dương đến chất lượng cuộc sống.

H3: Khả năng vượt khó trong học tập của sinh viên có tác động dương đến chất lượng cuộc sống đại học.

Các mối quan hệ được biểu diễn như sau:



Hình 1: Mô hình nghiên cứu

Nguồn: Tác giả

III. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Phương pháp nghiên cứu dựa trên lược khảo các nghiên cứu của Young et al. [4], Nguyen và cộng sự [7], Nguyen và cộng sự [8], Sirgg et al. [6], Peterson và Ekici [16], Maddi [3], Cole et al. [5], Bartone et al. [9], Furr et al. [2] về mối quan hệ giữa khả năng vượt khó của sinh viên và các nhóm nhân tố (hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học). Trong đó, thang đo khả năng vượt khó được áp dụng theo thang đo của Bartone et al. [9], thang đo chất lượng cuộc sống đại học theo cách tiếp cận của Sirgy et al. [6].

Nghiên cứu định tính được thực hiện thông qua phỏng vấn cá nhân với 20 sinh viên Khoa Kinh tế - Luật, Trường Đại học Trà Vinh về các thông tin trong bảng câu hỏi để điều chỉnh thang đo định lượng đã xây dựng dựa trên lý thuyết cho phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Thang đo được đưa trong nghiên cứu định tính gồm 66 biến quan sát, trong đó có 25 biến thuộc về khả năng vượt khó của sinh viên, 32 biến thuộc về thang đo chất lượng cuộc sống đại học, 4 biến về hiệu quả học tập, 5 biến về chất lượng cuộc sống sinh viên. Dựa trên nghiên cứu định tính, thang đo định lượng chính thức Likert -7 hoàn thiện gồm 66 biến tương tự mô hình trong nghiên cứu định tính và phù hợp với lý thuyết nên được chấp nhận cho bước nghiên cứu tiếp theo.

Tiến hành chọn mẫu bằng phương pháp chọn mẫu hạn ngạch, cụ thể ở bước đầu tiến hành phân tổ theo ngành học trong khối ngành Kinh tế của Trường Đại học Trà Vinh, xác định số đơn vị chọn ra ở mỗi tổ tuân theo tỉ lệ số lượng sinh viên đang được đào tạo trong ngành so với tổng số sinh viên của toàn bộ khối ngành. Ở bước tiếp theo, dùng phương pháp chọn mẫu thuận tiện để chọn ra các đơn vị theo số lượng được định sẵn ở mỗi tổ để điều tra. Theo đó, số lượng sinh viên chính quy hiện đang được đào tạo ở từng phân ngành sẽ được tính tỉ lệ so với tổng số sinh viên toàn ngành và tiến hành chọn mẫu với số lượng theo tỉ lệ tính được. Số lượng item trong bảng câu hỏi là 66, kích thước mẫu tối thiểu tính được là 330 mẫu [17]. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn sinh viên trong một tuần học liên tục với số lượng 400 phiếu khảo sát được phát trực tiếp cho sinh viên. Số lượng phiếu trả lời thu về được là 352, đạt tỉ lệ hồi đáp 88%, trong đó 341 phiếu trả lời hợp lệ được sử dụng để làm mẫu chính thức. Dữ liệu thu thập được xử lý trên SPSS 23 và AMOS 20 thông qua 5 bước gồm: (1) làm sạch dữ liệu thu thập, (2) kiểm định độ tin cậy thang đo thông qua Cronbach's Alpha, (3) phân tích nhân tố khám phá – EFA, (4) phân tích nhân tố khẳng định – CFA và (5) kiểm định giả thuyết nghiên cứu bằng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM.

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

A. Thống kê mô tả

Trong số 341 phiếu trả lời hợp lệ, có 21% nam và 79% nữ, trong đó có 7% ngành Kinh tế, 8%

ngành Tài chính Ngân hàng, 20% ngành Kế toán, 13% ngành Quản trị và còn lại 52% là ngành Luật. Sinh viên thuộc độ tuổi từ 19-31, trong đó, độ tuổi 20-22 chiếm khoảng 92%.

B. Kiểm định thang đo

Kiểm tra hệ số Cronbach's Alpha của ba thành phần khả năng cam kết, khả năng kiểm soát, khả năng vượt qua thách thức trong thang đo, khả năng vượt khó của sinh viên, cũng như bốn thành phần giảng viên, phương tiện, mối quan hệ, hoạt động ngoại khóa của thang đo chất lượng cuộc sống đại học. Tất cả các hệ số thu được đều cho thấy có mức độ tin cậy đạt yêu cầu về sự chặt chẽ và tương quan. Nunnally và Burnstein [18] cho rằng, tương quan tổng-hiệu giữa các quan sát của thang đo >0,6 là đạt yêu cầu về độ tin cậy dữ liệu. Tương tự, hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo còn lại về hiệu quả học tập và chất lượng cuộc sống của sinh viên đều cho kết quả đạt chuẩn. Như vậy, các thang đo đạt yêu cầu về sự chặt chẽ và tương quan giữa các biến, phù hợp để thực hiện phân tích nhân tố EFA. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha của các biến nghiên cứu được trình bày như Bảng 1.

Bảng 1: Kiểm tra độ tin cậy

Kiểm tra độ tin cậy Cronbach's Alpha			
Tên biến	Mô tả	Cronbach's Alpha	Số tiêu chí của từng nhân tố
CM	Khả năng cam kết	0,866	6
CO	Khả năng kiểm soát	0,963	11
CH	Khả năng thách thức	0,962	9
LP	Hiệu quả học tập	0,940	4
QF	Giảng viên	0,970	15
QS	Phương tiện	0,955	12
RE	Mối quan hệ	0,846	2
AC	Hoạt động ngoại khóa	0,868	3
QL	Chất lượng cuộc sống	0,955	5

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

C. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Sau khi đánh giá độ tin cậy trong thang đo của những thành phần đo lường các biến trong mô hình, kết quả cho thấy các biến quan sát đạt yêu cầu để tiếp tục tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA. Kiểm định Barlett's test để kiểm định giả thuyết mối tương quan giữa các biến với

nhau [19]. Nếu các biến không tương quan với nhau thì phân tích nhân tố có khả năng không thích hợp. Vì thế giả thuyết sau được kiểm định:

H0: Các biến không có tương quan với nhau

H1: Các biến có tương quan với nhau

Phép trích nhân tố được sử dụng là Principal Axis Factoring (PAF) với quay theo phương pháp Varimax với chuẩn Kaiser, đồng thời loại tất cả các biến quan sát có hệ số tải nhân (Factor Loading) > 0,5 ra khỏi ma trận xoay nhân tố [20].

Kết quả kiểm định Bartlett's cho thấy giá trị $p=0,000 < 0,05$ đồng nghĩa với giả thuyết H0 bị bác bỏ, hay các biến quan sát đưa vào phân tích là có tương quan với nhau [19]. Mặt khác, hệ số KMO cho thấy thang đo của tất cả các nhân tố đều >0,5, thỏa điều kiện để sử dụng kết quả phân tích nhân tố như Bảng 2.

Bảng 2: Kết quả phân tích nhân tố khám phá EFA

Hệ số KMO		0,940
	Chi-Square	21613,647
Kiểm định Bartlett's	df	2211
	Sig.	0,000

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Cả 66 biến quan sát được đưa vào phân tích theo tiêu chuẩn Eigenvalue >1, theo quy tắc Guttman-Kaiser, 9 nhân tố được trích rút với tổng phương sai trích 73,139% (>50%) và tất cả các hệ số tải Loading-Factor đều >0,5 (xem Phụ lục 2), do đó các biến quan sát đều phù hợp với thang đo lí thuyết [19].

Kết quả ma trận xoay nhân tố cho thấy các nhóm nhân tố không có sự xáo trộn trong thành phần, các nhóm nhân tố được giữ nguyên (xem Phụ lục 2). Như vậy, thang đo khả năng vượt khó của sinh viên gồm ba nhân tố: (1) khả năng cam kết; (2) khả năng kiểm soát; (3) khả năng thách thức. Thang đo chất lượng cuộc sống đại học gồm bốn nhóm nhân tố: (1) chất lượng giảng viên; (2) phương tiện, tiện ích hỗ trợ; (3) các mối quan hệ; (4) các hoạt động ngoại khóa trong trường. Hai nhân tố còn lại là kết quả đo lường của chất lượng cuộc sống của sinh viên và hiệu quả học tập.

D. Phân tích CFA và kiểm định mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Phân tích nhân tố khẳng định CFA

Tiến hành phân tích nhân tố khẳng định CFA đối với tất cả các thang đo trong mô hình nghiên cứu Bảng 3 cho thấy các chỉ số Chi-square có giá trị $p_value = 0,000$, chỉ số Chi-square điều chỉnh theo bậc tự do $CMIN/df < 3$ [21], đạt yêu cầu về độ tương thích. Chỉ số CFI có giá trị >0,9 [22] và giá trị của chỉ số RMSEA <0,08 nên theo Steiger [23], giá trị RMSEA như vậy là rất tốt. Do đó, mô hình được xem là phù hợp với dữ liệu, hay tương thích với dữ liệu [24]. Riêng hai chỉ số TLI, GFI cho giá trị khá thấp <0,9, nhưng vẫn có giá trị >0,7. Chỉ số TLI càng gần 1 và giá trị TLI càng lớn cho thấy mô hình phù hợp tốt hơn mô hình với giá trị TLI thấp. Giá trị $TLI > 0,85$ là một con số khá lớn trong mô hình nghiên cứu thực nghiệm, do đó chúng ta có thể nhận định mô hình có mức độ phù hợp đáng kể. Chỉ số GFI cho thấy quan hệ của phương sai và hiệp phương sai trong ma trận hiệp phương sai là khá tốt. Hay nói cách khác mức độ phù hợp của mô hình khi so sánh với mô hình lí tưởng đạt trên 70% [25].

Phân tích nhân tố khẳng định (CFA) được tiếp tục sử dụng để đánh giá hệ số tin cậy tổng hợp, tính đơn hướng, giá trị hội tụ, giá trị phân biệt và giá trị liên hệ lí thuyết của mô hình.

Để đánh giá độ tin cậy của thang đo, thường thông qua (1) hệ số độ tin cậy tổng hợp, (2) phương sai trích được và (3) hệ số Cronbach's Alpha [18]. Kết quả thu được cho thấy, hệ số tin cậy tổng hợp CR (Composite Reliability) của tất cả các khái niệm đều >0,7 [26], cũng như phương sai trích AVE (Average Variance Extracted) đều >0,5 [26] đạt yêu cầu về độ tin cậy của mô hình Bảng 4. Theo Steenkamp et al. [27], đây cũng là điều kiện cần và đủ để cho tập biến quan sát đạt được tính đơn hướng. Hơn nữa, giá trị phương sai trích cũng được sử dụng đo giá trị hội tụ (convergent validity) [28]. Bảng 4 cho thấy tất cả các nhân tố đều có giá trị AVE >0,5, với mức ý nghĩa 5% [20], các thang đo trong nghiên cứu đạt được giá trị hội tụ. Do vậy, các biến quan sát có tương quan với những biến khác trong cùng nhân tố, hay nói cách khác biến tiềm ẩn được giải thích tốt bởi các biến quan sát của nó [28].

Giá trị MSV (Maximum Shared Variance) của cả 9 nhân tố đều lớn hơn giá trị AVE của chúng (Bảng 4) và do đó thỏa mãn điều kiện giá trị phân biệt, các biến quan sát có tương quan cao với những biến quan sát của nhân tố khác [28]. Nghĩa là biến tiềm ẩn không được giải thích tốt

Bảng 3: Các chỉ số thống kê phản ánh độ phù hợp của thang đo trong mô hình

Tên phân tích CFA	Chi-square	DF	Chi-square/DF	P_value	GFI	TLI	CFI	RMSEA
Mô hình tối hạn của khả năng vượt khó và chất lượng cuộc sống trong trường đại học, chất lượng cuộc sống, hiệu quả học tập	4208,881	2131	1,975	0,000	0,727	0,897	0,901	0,054

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Bảng 4: Đo lường độ tin cậy của các khái niệm trong mô hình

Khái niệm	Hệ số tin cậy tổng hợp CR	Phương sai trích AVE	Giá trị MSV
Khả năng vượt khó			
Khả năng cam kết	1,045	0,798	0,893
Khả năng kiểm soát	1,006	0,934	0,967
Khả năng thách thức	1,002	0,983	0,991
Chất lượng cuộc sống đại học			
Giảng viên	0,999	1,022	1,011
Tiện ích	1,043	0,675	0,822
Hoạt động ngoại khóa	1,019	0,946	0,973
Mối quan hệ	0,937	1,154	1,074
Chất lượng cuộc sống	0,981	1,109	1,053
Hiệu quả học tập	1,026	0,909	0,954

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

bởi những biến quan sát của các nhân tố khác. Do đó, các nhân tố thỏa điều kiện đạt được giá trị phân biệt. Theo Gerbing et al. [20], nếu mô hình thỏa các điều kiện về độ tin cậy, tính đơn hướng, tính hội tụ, tính phân biệt thì mô hình được đánh giá là có giá trị liên hệ lý thuyết.

Phân tích CFA cho mô hình tối hạn thang đo khả năng vượt khó, thang đo chất lượng cuộc sống đại học, chất lượng cuộc sống và hiệu quả học tập. Kết quả cho thấy mối quan hệ giữa các khái niệm đều có ý nghĩa thống kê đáng kể ở mức 5% (Bảng 5). Ngoài các mối quan hệ theo khung lý thuyết, kết quả còn cho thấy các mối quan hệ khác giữa hiệu quả học tập - chất lượng cuộc sống, hiệu quả học tập - chất lượng cuộc sống đại học và chất lượng cuộc sống - chất lượng cuộc sống đại học cũng có ý nghĩa thống kê ở mức đáng kể 5%.

Đánh giá sự phù hợp của mô hình bằng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Kết quả ước lượng mô hình nghiên cứu có giá trị $p=0,000$, giá trị Chi-square = 3615, bậc tự do $df=2122$, Chi-square/df = 1,704<3, RMSEA

= 0,045 < 0,08; TLI = 0,926 và CFI = 0,929 đều >0,9 [27]. Các chỉ số trên cho thấy mô hình xây dựng phù hợp với dữ liệu nghiên cứu Hình 2.

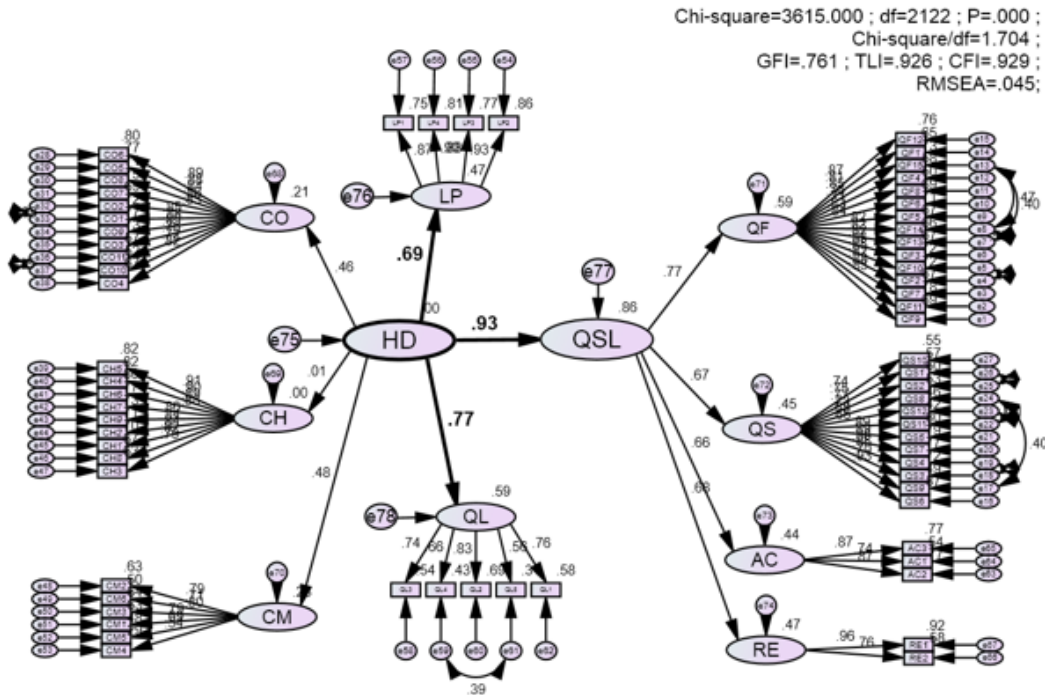
Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu của mô hình

Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu cho thấy, các tham số ước lượng cho thấy cả ba mối quan hệ giữa khả năng vượt khó đối với chất lượng cuộc sống, thang đo chất lượng cuộc sống đại học và hiệu quả học tập đều có ý nghĩa thống kê ở mức 5% và đều có mối quan hệ thuận chiều như Bảng 7. Như vậy, mối quan hệ giữa các khái niệm đạt được kỳ vọng về mặt lý thuyết. Thêm vào đó, kiểm tra tác động của khả năng vượt khó đối với hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống và chất lượng cuộc sống đại học đều cho thấy tồn tại một tác động trực tiếp một cách đáng kể ở mức ý nghĩa 5% và không tồn tại tác động gián tiếp nào. Cụ thể, khả năng vượt khó có ảnh hưởng thuận chiều với hiệu quả học tập, với tác động trực tiếp đáng kể đạt trọng số là 0,69 ở mức ý nghĩa 5%, tương ứng với giả thuyết H1. Tương tự, với các giả thuyết H2 và H3, khả năng vượt khó cũng có

Bảng 5: Kết quả kiểm định tương quan giữa các khái niệm sử dụng trong mô hình nghiên cứu

	Khái niệm	R	SE	CR	Mức ý nghĩa
Hiệu quả học tập	<-> Khả năng vượt khó	0,635	0,105	6,05	0,000
Hiệu quả học tập	<-> Chất lượng cuộc sống	0,549	0,08	6,86	0,000
Hiệu quả học tập	<-> Chất lượng cuộc sống đại học	0,642	0,083	7,693	0,000
Chất lượng cuộc sống	<-> Chất lượng cuộc sống đại học	0,561	0,072	7,824	0,000
Chất lượng cuộc sống	<-> Khả năng vượt khó	0,323	0,071	4,573	0,000
Khả năng vượt khó	<-> Chất lượng cuộc sống đại học	0,407	0,075	5,396	0,000

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)



Hình 2: Mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (đã chuẩn hóa)

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

ảnh hưởng thuận chiều đối với chất lượng cuộc sống và chất lượng cuộc sống đại học, tác động trực tiếp lần lượt đạt trọng số là 0,77 và 0,93 ở mức ý nghĩa 5% như Bảng 7.

Kiểm định độ tin cậy của ước lượng bằng Bootstrap

Phương pháp Bootstrap được sử dụng để đánh giá độ tin cậy của các ước lượng [29], trong đó thực hiện lấy mẫu lặp lại 1000 lần có thay thế và mẫu ban đầu đóng vai trò là đám đông. Kết quả Bảng 8 cho thấy trị tuyệt đối CR <2 nên có thể nói độ chệch là rất nhỏ một cách đáng kể ở mức ý nghĩa 5%. Do đó, kết luận các ước lượng trong mô hình nghiên cứu là tin cậy.

E. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Như vậy, kết quả thu được cho thấy khả năng vượt khó của sinh viên chịu ảnh hưởng trực tiếp từ ba nhóm nhân tố khả năng cam kết, khả năng kiểm soát và khả năng thách thức với độ tin cậy 95%, trong đó, nhân tố khả năng cam kết có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất, phù hợp với thang đo lí thuyết xây dựng của Bartone et al. [9]. Tuy nhiên, để phù hợp với thực tiễn tại Trường Đại học Trà Vinh, thang đo đã được điều chỉnh giảm một số biến quan sát xuống còn 25 so với thang đo gốc là 45 biến quan sát.

Thang đo chất lượng cuộc sống đại học chịu ảnh hưởng trực tiếp từ bốn nhóm nhân tố gồm

Bảng 6: Kết quả kiểm định mối quan hệ giả thuyết giữa các khái niệm trong mô hình nghiên cứu

Mối quan hệ			r	SE	CR	Mức ý nghĩa
<i>Chưa chuẩn hóa</i>						
Chất lượng cuộc sống đại học	<—	Khả năng vượt khó	1,201	0,185	6,506	0,000
Hiệu quả học tập	<—	Khả năng vượt khó	1,346	0,194	6,950	0,000
Chất lượng cuộc sống	<—	Khả năng vượt khó	1,076	0,165	6,505	0,000
<i>Đã chuẩn hóa</i>						
Chất lượng cuộc sống đại học	<—	Khả năng vượt khó	0,925	0,022	3,419	0,001
Hiệu quả học tập	<—	Khả năng vượt khó	0,688	0,042	7,446	0,000
Chất lượng cuộc sống	<—	Khả năng vượt khó	0,766	0,037	6,305	0,000

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Bảng 7: Kết quả ước lượng Bootstrap với N=1000

Mối quan hệ giữa các khái niệm			Ước lượng ML	Ước lượng Bootstrap					
				SE	SE-SE	Mean	Bias	SE-Bias	CR
Chất lượng cuộc sống đại học	<—	Khả năng vượt khó	0,925	0,046	0,001	0,927	0,002	0,001	1,078
Hiệu quả học tập	<—	Khả năng vượt khó	0,688	0,058	0,001	0,689	0,000	0,002	1,448
Chất lượng cuộc sống	<—	Khả năng vượt khó	0,766	0,064	0,001	0,762	-0,004	0,002	1,310

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

chất lượng giảng viên, chất lượng các phương tiện, tiện ích dịch vụ, chất lượng các hoạt động ngoại khóa và chất lượng các mối quan hệ trong trường đại học với độ tin cậy 95%, trong đó nhân tố chất lượng giảng viên có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất, phù hợp với thang đo lí thuyết được xây dựng trong nghiên cứu của Sirgy et al. [6] với 32 biến quan sát so với 34 biến quan sát lí thuyết.

Thang đo chất lượng cuộc sống được xây dựng gồm ba biến quan sát với độ tin cậy 95%, giảm so với 5 biến quan sát lí thuyết được xây dựng trong nghiên cứu của Peterson & Ekici [16].

Thang đo hiệu quả học tập phù hợp với thang đo lí thuyết của Young et al. [4], Nguyen và cộng sự [7], gồm bốn biến quan sát được giữ nguyên, với độ tin cậy 95%.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa khả năng vượt khó của sinh viên đối với chất lượng cuộc sống đại học, chất lượng cuộc sống và hiệu quả học tập của sinh viên cho thấy, sinh viên có khả năng vượt khó cao sẽ mang lại cho sinh viên đó một hiệu quả học tập tốt hơn, chất lượng cuộc sống và cuộc sống trong trường đại học tốt hơn ở mức ý nghĩa 5%. Hơn thế nữa, trong các mối quan hệ này, nhân tố khả năng cam kết có ảnh

hưởng mạnh mẽ nhất một cách đáng kể ở mức ý nghĩa 5%.

Rõ ràng, khả năng vượt khó ở đây đã đóng vai trò quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên, có tác động đồng biến đến hiệu quả học tập của họ. Kết quả tương tự với các nghiên cứu của Maddi [3], Furr et al. [2], Cole et al. [5], Young et al. [4], Nguyen và cộng sự [7]. Điều này có nghĩa là nếu các sinh viên có kĩ năng tốt để vượt qua khó khăn thì họ sẽ rèn luyện cho mình được nhiều kĩ năng, kiến thức và sức mạnh tinh thần tốt hơn, họ sẽ dễ dàng chuyển hóa các khó khăn thành những việc bình thường có thể giải quyết được, hoặc biến những khó khăn thành cơ hội để phát triển, từ đó họ duy trì và phát triển các động lực học tập.

Khả năng vượt khó cao cũng đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống của sinh viên, tương tự với Peterson & Ekici [16] và thang đo chất lượng cuộc sống đại học của họ, tương tự Sirgy et al. [6], Nguyen và cộng sự [8]. Như vậy, khả năng vượt khó của sinh viên đã giúp họ kiểm soát được những căng thẳng không những trong cuộc sống ở trường đại học mà cả trong cuộc sống hàng ngày của họ, theo đó chất

lượng cuộc sống của họ theo đó được nâng lên.

V. KẾT LUẬN VÀ GIẢI PHÁP

Bài viết tập trung nghiên cứu các thang đo khả năng vượt khó tác động đến hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống của sinh viên và chất lượng cuộc sống đại học dựa trên cơ sở lý thuyết và kiểm định thang đo thông qua nghiên cứu định lượng. Kết quả nghiên cứu cho thấy khả năng vượt khó là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống của sinh viên và chất lượng cuộc sống đại học. Trong đó, khả năng vượt khó chịu ảnh hưởng của yếu tố khả năng kiểm soát, khả năng cam kết, khả năng thách thức. Chất lượng cuộc sống đại học chịu ảnh hưởng trực tiếp từ bốn nhóm nhân tố gồm chất lượng giảng viên, chất lượng các phương tiện, tiện ích dịch vụ, chất lượng các hoạt động ngoại khóa, trong đó yếu tố giảng viên có tác động mạnh nhất. Như vậy, để duy trì hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống, chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên được tốt, chúng ta cần phải có các giải pháp nâng cao khả năng chịu khó của sinh viên. Từ đây, bài viết có một số đề xuất đối với sinh viên và Nhà trường như sau:

- Khả năng cam kết có ảnh hưởng mạnh nhất đến sự chịu khó, hay nói cách khác, khả năng cam kết ảnh hưởng mạnh nhất đến hiệu quả học tập, chất lượng cuộc sống và chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên. Việc đào tạo theo hướng tạo cảm hứng, nâng tầm tư duy, tăng khả năng tự tư duy đa chiều, tư duy phản biện độc lập và khả năng bảo vệ chính kiến. Từ đó, chúng ta tạo cho sinh viên một nền tảng tư duy, nhận thức về chính bản thân và năng lực bản thân. Để làm được những điều này, Nhà trường cần chú trọng đến các phương pháp thực hành và điều hướng về khả năng tự tư duy, làm chủ hành vi của sinh viên. Nhà trường cần nghiên cứu áp dụng một số phương pháp đào tạo mới, theo hướng đào tạo tư duy, chủ động, tích cực tự học đối với sinh viên; thay đổi các phương pháp giáo dục truyền thống như xoay quanh việc học bài, trả bài trên giảng đường mà thay vào đó khuyến khích các phương pháp nghiên cứu, xây dựng tổ chức nhóm sinh viên nghiên cứu, sinh viên tự học. Các giáo trình xây dựng theo hướng đề án sáng tạo, thay vì khung điểm cố định. Hơn thế nữa, nghiên cứu thay đổi nội dung các giáo trình học cho phù hợp với phương pháp sinh viên tự nghiên cứu, tự học, sinh viên là trọng tâm, giảng viên chỉ đóng vai

trò là người điều hướng, hướng dẫn, chỉ đường thay vì là người cầm tay chỉ việc như lúc trước. Quan trọng hơn chính là phía sinh viên, kết quả nghiên cứu này cũng gửi đến sinh viên về thái độ quyết định đối với thành công trong học tập và cuộc sống của một sinh viên. Một thái độ nghiêm túc, có mục tiêu rõ ràng và quyết tâm vượt qua mọi khó khăn trở ngại để đạt được mục tiêu sẽ giúp sinh viên đạt được thành công.

- Khả năng kiểm soát và khả năng vượt qua thử thách cũng tác động đến sự thành công trong cuộc sống và học tập của sinh viên. Để sinh viên có được những kỹ năng kiểm soát hành vi, có khả năng vượt qua các thách thức khó khăn, sự cần thiết phải được rèn luyện qua nhiều tình huống. Vậy nên, Nhà trường cần tăng cường nhiều hơn các hoạt động ngoại khóa, khuyến khích xây dựng câu lạc bộ, đội nhóm theo từng phân ngành, khoa, gia tăng hỗ trợ tài chính cho các hoạt động đào tạo kỹ năng, các buổi tọa đàm và trao đổi với những doanh nhân và người có ảnh hưởng để góp phần tạo động lực và tạo nguồn cảm hứng cho sinh viên rèn luyện bản thân để đạt được thành công.

- Sự ảnh hưởng mạnh mẽ của nhóm nhân tố chất lượng giảng viên trong thang đo chất lượng cuộc sống đại học của sinh viên. Hàm ý, khả năng vượt khó của sinh viên càng cao, sự tương tác và mức độ yêu cầu của họ đối với chất lượng của các giảng viên càng lớn. Sự tương tác giữa các giảng viên và sinh viên đóng một vai trò quan trọng tạo ra một chất lượng học tập, sống tốt hơn của các sinh viên. Do đó, sự cần thiết phải có những buổi đào tạo kỹ năng tương tác của các giảng viên, thay đổi tư duy của giảng viên về phương pháp đào tạo, rằng sự tương tác, sự quan tâm của họ đối với việc học của sinh viên là chìa khóa quan trọng giúp cho sinh viên có được một môi trường học tập thoải mái, dễ dàng tiếp thu nắm bắt kiến thức và do đó làm nâng cao chất lượng học tập của họ. Ngoài sự tương tác cần thiết, các giảng viên cũng áp dụng nhiều hơn các phương pháp giảng dạy theo hướng công nghệ hóa để từ đó tăng giao tiếp, tăng tư duy sáng tạo và cung cấp nhiều hỗ trợ hơn cho sinh viên, thay đổi linh hoạt phương pháp truyền đạt đối với mỗi dạng sinh viên, đặc biệt là các sinh viên thụ động, từ đó xây dựng môi trường học tập mà sinh viên là trọng tâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Kobasa S C. Stressful life events, personality and health: an inquiry into hardiness. *Journal of Personality and Social Psychology*. 1979;37(1).
- [2] Furr S R, Westefeld J S, McConnell G N, Jenkins J M. Suicide and depression among college students: A decade later. *Professional Psychology: Research and Practice*. 2001;32(1):97–100.
- [3] Maddi S R. The story of hardiness: Twenty years of theorizing, research and practice. *Consulting Psychology Journal*. 2002;54(3):173–185.
- [4] Young M R, Klemz B R, Murphy J W. Enhancing learning outcomes: the effects of instructional technology, learning styles, instructional methods, and student behaviour. *Journal of Marketing Education*. 2003;25(2):130–142.
- [5] Cole M S, Field H S, Harris S G. Student learning motivation and psychological hardiness: Interactive effects on students' reactions to a management class. *Academy of Management Learning and Education*. 2004;3(1).
- [6] Sirgy M J, Grzeskowiak S, Rahtz D. Quality of college life of students: Developing and validating a measure of well-being. *Social Indicators Research*. 2007;80(2):343–360.
- [7] Nguyen T T M, Nguyen T D. Determinants of learning performance of business students in a transitional market. *Quality Assurance in Education*. 2010;18(4).
- [8] Nguyen T D, Shultz II C J, Westbrook M D. Psychological Hardiness in Learning and Quality of College Life of Business Students: Evidence from Vietnam. *Journal of Happiness Studies*. 2012;13(6):1091–1103.
- [9] Bartone P T, Eid J, Johnsen B H, Laberg J C, Snook S A. Big five personality factors, hardiness, and social judgment as predictors of leader performance. *Leadership & Organization Development Journal*. 2009;30(6):498–521.
- [10] Rodney A McCloy, John P Campbell, Robert Cudeck. A confirmatory test of a model of performance determinants. *Journal of Applied Psychology*. 1994;79(4):493–505.
- [11] Brokaw A J, Thomas E Merz. The effects of student behavior and preferred learning style on performance. *Journal of Business Education*. 2000;48(1):15–20.
- [12] Vaez M, Kristenson M, Laflamme L. Perceived quality of life and self-rated health among first-year university students: A comparison with their working peers. *Social Indicators Research*. 2004;68(2):221–234.
- [13] Cha K -H. Subjective well-being among college students. *Social Indicators Research*. 2003;62/63(1):455–477.
- [14] Chow H P H. Life satisfaction among university students in a Canadian prairie city: A multivariate analysis. *Social Indicators Research*. 2005;70(2):139–150.
- [15] Maddi S R. Comments on trends in hardiness research and theorizing. *Consulting Psychology Journal: Practice & Research*. 1999;51(2):67–71.
- [16] Peterson M, Ekici A. Consumer Attitude toward Marketing and Subjective Quality of Life in the Context of a Developing Country. *Journal of Macromarketing*. 2007;27(4):350–359.
- [17] Kenneth A Bollen. Structural Equations With Latent Variables. *Journal of the American Statistical Association*. 1990 December;DOI: 10.1002/9781118619179.
- [18] Nunnally, Burnstein. *Psychometric Theory*. 3rd ed. New York: McGraw Hill; 1994.
- [19] Field A. *Discovering Statistics using SPSS for Windows*; 2000.
- [20] Gerbing D W, Anderson J C. An Updated Paradigm for Scale Development Incorporating Unidimensionality and its Assessment. *Journal of Marketing Research*. 1988;25(2):186–192.
- [21] Carmines E, McIver J. *Analyzing models with unobserved variables: analysis of covariance structures*. Beverly Hills, CA: Sage Publications; 1981.
- [22] Bentler P M, Bonett D G. Significance tests and goodness of fit in the analysis of covariance structures. *Psychological Bulletin*. 1980;88(3):588–606.
- [23] Steiger J H. Structural Modeling Evaluation and Modification: An Interval Estimation Approach. *Multivariate Behavioral Research*. 1990;25(2):173–80.
- [24] Nguyễn Đình Thọ, Nguyễn Thị Mai Trang. *Nghiên cứu khoa học marketing - ứng dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM*. Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. HCM; 2008.
- [25] Hair J F, Black W C, Babin B J, Anderson R E, Tatham R L. *Multivariate data analysis*. 7th ed. Pearson Prentice Hall; 2006.
- [26] Hair, Anderson, Tatham. *Black Multivariate Data Analysis*. Prentice-Hall International, Inc; 1998.
- [27] Steenkamp J B E M, Laflamme L. Perceived quality of life and self-rated health among first-year university students: A comparison with their working peers. *Social Indicators Research*. 2004;68(2):221–234.
- [28] Hair J, Black W, Babin B. *Anderson R Multivariate data analysis*. Upper Saddle River, NJ, USA: Prentice-Hall, Inc.; 2010.
- [29] Schumacker R E, Lomax R G. *A beginner's guide to Structural Equation Modeling*. London: Lawrence Erlbaum associates; 2006.